

PHẦN MỘT

HƯỚNG DẪN CHUNG

A. MỤC TIÊU MÔN HỌC

Lịch sử và Địa lí 6 là môn học bắt buộc ở cấp Trung học cơ sở. Môn học này góp phần cùng các môn học khác hình thành và phát triển cho HS các năng lực chung (tự chủ, tự học; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo) và những phẩm chất chủ yếu (yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm). Ngoài ra, mỗi phân môn Lịch sử và Địa lí còn hình thành và phát triển cho HS các phẩm chất và năng lực đặc thù khác nhau.

I. PHẦN LỊCH SỬ

Các phẩm chất thuộc về thế mạnh giáo dục của phân môn Lịch sử là: tình yêu quê hương đất nước, niềm tự hào về truyền thống dân tộc, thái độ tôn trọng sự đa dạng của lịch sử thế giới và văn hoá nhân loại, khơi dậy ở HS ước muốn khám phá thế giới xung quanh, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

Các năng lực đặc thù được quy định trong chương trình môn học (phân Lịch sử), thể hiện ở bảng dưới đây:

Thành phần năng lực	Mô tả chi tiết
TÌM HIỂU LỊCH SỬ	<ul style="list-style-type: none">Bước đầu nhận diện và phân biệt được: các loại hình và dạng thức khác nhau của các nguồn tài liệu cơ bản của khoa học lịch sử, giá trị của tư liệu lịch sử trong việc tái hiện và nghiên cứu lịch sử.Khai thác và sử dụng được thông tin của một số loại tư liệu lịch sử đơn giản.Bước đầu nhận diện và phân biệt được: các loại hình tư liệu lịch sử, các dạng thức khác nhau của các nguồn tài liệu cơ bản của khoa học lịch sử, giá trị của tư liệu lịch sử trong việc tái hiện và nghiên cứu lịch sử.Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử đơn giản dưới sự hướng dẫn của GV trong các bài học lịch sử.
NHẬN THỨC VÀ TƯ DUY LỊCH SỬ	<ul style="list-style-type: none">Mô tả và bước đầu trình bày được những nét chính của các sự kiện và quá trình lịch sử cơ bản với các yếu tố chính về thời gian, địa điểm, diễn biến, kết quả có sử dụng sơ đồ, lược đồ, bản đồ lịch sử,...Trình bày bối cảnh lịch sử và đưa ra nhận xét về những nhân tố tác động đến sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử, quá trình lịch sử; giải thích được kết quả của sự kiện, diễn biến chính của lịch sử.

	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được những tác động của bối cảnh không gian, thời gian đến các sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử. - Mô tả và bước đầu trình bày được những nét chính của các sự kiện lịch sử cơ bản với các yếu tố chính về thời gian, địa điểm, diễn biến, kết quả; diễn biến các trận đánh và cuộc chiến trên lược đồ, bản đồ lịch sử. - Trình bày bối cảnh lịch sử và đưa ra nhận xét về những nhân tố tác động đến sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử, quá trình lịch sử; giải thích được kết quả của sự kiện, diễn biến chính của lịch sử. - Phân tích được những tác động của bối cảnh không gian, thời gian đến các sự kiện lịch sử, nhân vật lịch sử. - Bước đầu giải thích được mối quan hệ giữa các sự kiện lịch sử, mối quan hệ tác động qua lại của các sự kiện, hiện tượng với hoàn cảnh lịch sử. - Trình bày được chủ kiến của mình về một số sự kiện, nhân vật, vấn đề lịch sử,... như lập luận khẳng định hoặc phủ định các nhận định, nhận xét về một sự kiện, hiện tượng, vấn đề hay nhân vật lịch sử.
VẬN DỤNG KIẾN THỨC, KĨ NĂNG ĐÃ HỌC	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng kiến thức lịch sử để giải thích, mô tả một số sự kiện, hiện tượng lịch sử trong cuộc sống. - Vận dụng được kiến thức lịch sử để phân tích và đánh giá tác động của một sự kiện, nhân vật, vấn đề lịch sử đối với cuộc sống hiện tại. - Vận dụng được kiến thức lịch sử để giải quyết những vấn đề thực tiễn, đồng thời giải thích các vấn đề thời sự đang diễn ra ở trong nước và thế giới.

II. PHẦN ĐỊA LÍ

Phần Địa lí góp phần hình thành và phát triển năng lực địa lí trên nền tảng kiến thức cơ bản, có chọn lọc về những vấn đề Địa lí đại cương; các quá trình tự nhiên diễn ra trong không gian và thời gian; sự tương tác giữa xã hội loài người với môi trường tự nhiên; giúp HS biết cách sử dụng các công cụ địa lí để học tập và vận dụng vào thực tiễn,...

Các năng lực đặc thù của phân môn Địa lí được quy định cụ thể như sau:

1. Năng lực nhận thức địa lí

Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian:

- Sử dụng được bản đồ địa hình kết hợp với địa bàn để xác định vị trí của một điểm trên thực địa; xác định được vị trí của một sự vật, hiện tượng địa lí trên bản đồ.

- Phân tích được ý nghĩa của vị trí địa lý đối với tự nhiên, phát triển kinh tế – xã hội, an ninh quốc phòng.
- Xác định và lý giải được sự phân bố các đối tượng địa lý.
- Sử dụng được lược đồ trí nhớ để mô tả nhận thức về không gian; sử dụng bản đồ hoặc lược đồ để trình bày về mối quan hệ không gian của các đối tượng địa lý; phát hiện, chọn lọc, tổng hợp và trình bày được đặc trưng địa lý của một địa phương; từ đó, hình thành ý niệm về bản sắc của một địa phương, phân biệt các địa phương với nhau.

2. Năng lực tìm hiểu địa lý

a. Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lý

- Giải thích được cơ chế diễn ra một số hiện tượng, quá trình tự nhiên trên Trái Đất; sự hình thành, phát triển và phân bố của một số yếu tố hoặc thành phần tự nhiên; một số đặc điểm của sự vật, hiện tượng tự nhiên trên Trái Đất và ở lãnh thổ Việt Nam; phát hiện và giải thích được một số hiện tượng, quá trình địa lý tự nhiên trong thực tế địa phương.
- Giải thích được các sự vật, hiện tượng; sự phân bố, đặc điểm, quá trình phát triển về kinh tế – xã hội ở mỗi quốc gia, khu vực và ở Việt Nam.
- Giải thích được các sự vật, hiện tượng, quá trình kinh tế – xã hội trên cơ sở vận dụng mối liên hệ và tác động của tự nhiên.
- Giải thích được những hệ quả (tích cực, tiêu cực) do con người tác động đến môi trường tự nhiên; giải thích được tính cấp thiết của việc sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.

b. Sử dụng các công cụ Địa lý học

- Tìm kiếm, chọn lọc được thông tin từ các văn bản tài liệu phù hợp với nội dung, chủ đề nghiên cứu; sử dụng được tranh, ảnh địa lý để miêu tả những hiện tượng, quá trình địa lý; lập được bộ sưu tập hình ảnh (bản giấy và bản kĩ thuật số).
- Đọc được bản đồ để khai thác thông tin, kiến thức cần thiết; khai thác được các kênh thông tin bổ sung (biểu đồ, tranh ảnh,...) từ bản đồ, Atlat địa lý; đọc được lát cắt địa hình; sử dụng được một số bản đồ thông dụng trong thực tế.
- Thực hiện được một số tính toán đơn giản (tính GDP bình quân đầu người, tốc độ tăng trưởng kinh tế,...); nhận xét, phân tích được bảng số liệu thống kê; xây dựng được bảng thống kê có cấu trúc phù hợp với ý tưởng phân tích số liệu; vẽ được một số loại biểu đồ thể hiện động thái, cơ cấu, quy mô,... của đối tượng địa lý từ số liệu đã cho.
- Nhận xét được biểu đồ và giải thích; đọc hiểu các sơ đồ, mô hình địa lý.

c. Tổ chức học tập ở thực địa

- Xây dựng được kế hoạch học tập thực địa; sử dụng được những kỹ năng cần thiết để thu thập tài liệu sơ cấp ngoài thực địa: quan sát, quan trắc, chụp ảnh thực địa, phỏng vấn, vẽ lược đồ, sơ đồ,... trình bày được những thông tin thu thập được từ thực địa.

d. Khai thác Internet phục vụ môn học

- Tìm kiếm, thu thập, chọn lọc và hệ thống hóa được các thông tin địa lý cần thiết từ các trang web; đánh giá và sử dụng được các thông tin trong học tập và thực tiễn.

3. Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học

a. Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế

– Tìm kiếm được thông tin từ các nguồn tin cậy để cập nhật số liệu, tri thức về thế giới, khu vực, đất nước; về xu hướng phát triển trên thế giới và trong nước; liên hệ được thực tế địa phương, đất nước,... để làm sáng rõ hơn kiến thức địa lí.

b. Thực hiện chủ đề học tập khám phá từ thực tiễn

– Trình bày ý tưởng và xác định được cụ thể chủ đề nghiên cứu ở địa phương; vận dụng được kiến thức, kĩ năng địa lí vào việc nghiên cứu chủ đề, viết được báo cáo hoàn chỉnh và trình bày kết quả nghiên cứu theo các hình thức khác nhau.

– Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn.

– Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng địa lí để giải quyết một số vấn đề thực tiễn phù hợp với trình độ HS và ứng xử phù hợp với môi trường sống.

B. GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO KHOA LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6

I. QUAN ĐIỂM BIÊN SOẠN SÁCH

1. Bám sát chương trình, kế thừa bộ SGK hiện hành và học hỏi kinh nghiệm viết SGK ở các nước tiên tiến

– Nội dung sách được triển khai bám sát Chương trình Giáo dục phổ thông môn Lịch sử và Địa lí 6 (cấp Trung học cơ sở) được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 26/12/2018.

– Đảm bảo các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực chung quy định trong Chương trình tổng thể đồng thời với các năng lực đặc thù của môn học.

– Kế thừa, phát triển những điểm mạnh của SGK Lịch sử và Địa lí 6 hiện hành: cụ thể là việc lựa chọn kiến thức căn bản ở những nội dung được đề cập trong chương trình mới, tính hệ thống tri thức của Khoa học Lịch sử, Khoa học Địa lí.

– Tiếp thu kinh nghiệm viết SGK của những nền giáo dục tiên tiến trên thế giới. Chú trọng giải quyết câu hỏi: tại sao môn Lịch sử, Địa lí lại hấp dẫn HS ở các nước tiên tiến? Vai trò của SGK Lịch sử và Địa lí trong việc tạo nên tính hấp dẫn của bộ môn?

2. Tăng tính hấp dẫn của SGK

Ưu tiên hàng đầu khi biên soạn SGK Lịch sử và Địa lí 6 là khơi gợi được hứng thú của người học qua tư liệu, cách khai thác tư liệu, ngôn ngữ sử dụng và cách diễn đạt nội dung mới, sự hài hoà giữa kênh hình và kênh chữ, giữa thiết kế và nội dung.

3. Giúp HS phát triển khả năng tự học

Quán triệt quan điểm SGK là sách của HS, dùng để tự đọc, tự học và hỗ trợ cho các em học trên lớp dưới sự hướng dẫn của GV:

– Tăng cường sử dụng ngôn ngữ viết SGK giàu hình ảnh, cụ thể, giản dị, phù hợp với lứa tuổi HS lớp 6.

– Tạo điều kiện cho HS có thể tự đọc, tự học bằng hệ thống câu hỏi dẫn dắt tìm hiểu nội dung chính và hệ thống câu hỏi luyện tập, vận dụng cuối bài bám sát mục tiêu bài học.

– Tư tưởng chủ đạo của bộ sách là chú trọng phát triển năng lực, đổi mới và sáng tạo, vận dụng triệt để các quan điểm: Dạy học tích hợp, tích cực hoá hoạt động của HS. Tư tưởng này được hiện thực hoá bằng các hoạt động thực hành và trải nghiệm phong phú trong các chương/bài, tạo ra các cơ hội hình thành, phát triển các năng lực và phẩm chất.

II. NHỮNG ĐIỂM MỚI

– Chú trọng đặc biệt đến quá trình tiếp cận năng lực của HS thông qua việc trình bày các tình huống có vấn đề và gợi mở cho HS phương án giải quyết và hệ thống các câu hỏi dẫn dắt, gợi mở. Các em có thể tự học và GV có cơ sở hướng dẫn HS trong từng mục của mỗi bài học.

– Chú trọng kiến thức tích hợp ở cả hai cấp độ là tích hợp nội môn và tích hợp liên môn. Nội dung tích hợp sẽ nằm chính ngay trong bản chất của Khoa học Lịch sử và Khoa học Địa lí. Ngoài tích hợp nội môn, phần tích hợp liên môn được chú trọng trong nội dung kiến thức, 100% các bài học lịch sử đều có kiến thức môn Địa lí, ngược lại, các bài của môn Địa lí cũng có tích hợp kiến thức lịch sử. Ngoài ra, còn tích hợp nội dung với các môn học khác với khoảng 20% môn Mĩ thuật, 20% Ngữ văn, 10% Toán, Khoa học Tự nhiên, Công nghệ,... *Kiến thức tích hợp được thể hiện trong sách ở cả 3 phân: Mở đầu, Hình thành kiến thức mới và Luyện tập – Vận dụng.*

– Trình bày nội dung kiến thức sống động và dẫn dắt HS kết nối được giữa kiến thức lịch sử với cuộc sống hiện tại, giữa kiến thức địa lí đại cương với thực tế cuộc sống. Phát triển năng lực nhận thức song song với việc đem lại sự hứng thú và quan tâm một cách tự nhiên đối với việc học lịch sử, địa lí của HS khi sử dụng SGK Lịch sử và Địa lí 6.

– Nội dung kiến thức không chỉ được chuyển tải bằng kênh chữ mà bằng cả kênh hình. Kênh hình trong sách bao gồm hình ảnh, bản đồ, lược đồ, sơ đồ,... Kênh chữ là nội dung kiến thức, tư liệu chữ viết. Riêng trong phần Lịch sử, tiếp thu cách trình bày và kinh nghiệm của SGK mới trên thế giới, trong cách trình bày chúng tôi dùng khái niệm “Nguồn tư liệu” (Source – viết tắt trong diễn giải của sách là tư liệu, kí hiệu bằng số). Những hình phục dựng sử dụng trong sách không chỉ có giá trị minh họa mà là một nguồn tư liệu chuyển tải nội dung được đề cập thay cho diễn tả bằng chữ (tranh vẽ minh họa phải dựa trên hiện vật và nguồn sử liệu chữ viết hay truyền miệng, hình ảnh chụp phải có giá trị ứng dụng, ví dụ để liên hệ với hiện tại hay minh chứng cho những thay đổi của lịch sử hay nhấn mạnh tính giáo dục của lịch sử,...). Ngoài nội dung kiến thức mới còn có mục *Em có biết*, là những thông tin bổ sung để các em có thể mở rộng và đào sâu kiến thức, thấy được sự kết nối giữa quá khứ với hiện tại, giữa kiến thức địa lí và cuộc sống. Ngoài ra, mục này còn góp phần nâng cao sự hứng thú và tích cực của HS trong quá trình học tập.

– Chú trọng thiết kế phục vụ cho nội dung: Thiết kế không chỉ vì mục đích thẩm mĩ và tăng tính hấp dẫn mà mục tiêu chính là hướng đến yêu cầu cần đạt về phẩm chất, kỹ năng và kiến thức.

– Chú trọng xây dựng kỹ năng lịch sử và kỹ năng địa lí; năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng được học.

– Nội dung và hình thức của sách chú trọng đến khả năng nhận thức và đặc điểm tâm, sinh lí của HS lớp 6 (qua việc trình bày một cách có hệ thống, hợp lí nhiều kênh hình, biểu đồ, sơ đồ, bản đồ; nội dung các câu hỏi, các hoạt động xoay quanh các nguồn tư liệu viết, tư liệu hình ảnh, hạn chế việc sử dụng từ ngữ khó, câu chữ phức tạp).

– Nội dung sách được biên soạn cũng nhằm hướng dẫn người dạy và người học thực hiện quá trình tổ chức việc dạy và học; gợi ý các phương pháp để HS có thể tự học, GV có thể dễ dàng hướng dẫn HS học tập. Chú ý đến việc phân phối bố cục và nội dung hợp lí để GV có thể giảng dạy hai tiết tách biệt vào hai ngày khác nhau, cũng như cho phép GV có thể dễ dàng tham khảo xây dựng kế hoạch dạy học của mình một cách mềm dẻo, linh hoạt tùy theo điều kiện của địa phương và đối tượng HS (ví dụ, GV có thể sử dụng mà không cần sự hỗ trợ của máy chiếu, phim ảnh; GV có thể phân bổ các bài trong một chương theo thực tế từng địa phương).

– Nhóm tác giả cũng quán triệt cách tiếp cận học qua thực hành, thực hành để học; học qua trải nghiệm, trải nghiệm để học; xem SGK là công cụ giúp HS phát triển khả năng tự học.

– Tích cực vận dụng nguyên lí “Người học là trung tâm” của quá trình dạy và học, với trọng tâm là chú trọng giáo dục hình thành và phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực người học.

III. NỘI DUNG GIÁO DỤC

1. Nội dung giáo dục phần Lịch sử 6 gồm 5 chương:

Chương 1. Tại sao cần học lịch sử?

Chương 2. Thời kì nguyên thuỷ

Chương 3. Xã hội cổ đại

Chương 4. Đông Nam Á từ những thế kỉ tiếp giáp Công nguyên đến thế kỉ X

Chương 5. Việt Nam từ khoảng thế kỉ VII trước Công nguyên đến đầu thế kỉ X

2. Nội dung giáo dục phần Địa lí lớp 6 gồm 7 chương:

Chương 1. Bản đồ – Phương tiện thể hiện bề mặt Trái Đất

Chương 2. Trái Đất – hành tinh của hệ Mặt Trời

Chương 3. Cấu tạo của Trái Đất. Vỏ Trái Đất

Chương 4. Khí hậu và biến đổi khí hậu

Chương 5. Nước trên Trái Đất

Chương 6. Đất và sinh vật trên Trái Đất

Chương 7. Con người và thiên nhiên

IV. CẤU TRÚC SÁCH VÀ CẤU TRÚC BÀI HỌC

1. Cấu trúc sách

a. Phần Lịch sử

Phần Lịch sử trong SGK Lịch sử và Địa lí 6 gồm có 5 chương, 21 bài học trong 35 tuần lẽ của năm học.

Trang 7 của sách là bức tranh sơn mài “Gióng” của họa sĩ Nguyễn Tư Nghiêm, do Bảo tàng Mĩ thuật Quốc gia cung cấp. Tác phẩm được công nhận là “Bảo vật quốc gia” năm 2017. Tại sao bức tranh này lại được chọn làm hình bìa?

Thông điệp của bức tranh thể hiện được chức năng giáo dục của chương trình lịch sử.

HS và giới trẻ nhìn vào tấm gương Thánh Gióng để có được tình yêu quê hương đất nước, niềm tự hào và trách nhiệm đối với dân tộc.

Bức tranh là một tuyên ngôn của giáo dục lịch sử: “Đi đến tận cùng của truyền thống sẽ gặp hiện đại” (Nguyễn Tư Nghiêm).

Những nội dung được dạy trong phần Lịch sử Việt Nam của chương trình được cô đọng, đúc kết và thể hiện bằng hình ảnh trong bức tranh này: Truyền thống yêu nước xuyên suốt lịch sử dân tộc; văn hoá Đông Sơn của thời kì Hùng Vương dựng nước (những hoạ tiết tiêu biểu của trống đồng, rùi đồng, miếng giáp che ngực của chiến binh Âu Lạc hình giao long,...).

Ngoài ra, từ lớp 2 đến lớp 6, trong chương trình môn Mĩ thuật cũng đã đề cập đến nghệ thuật truyền thống của dân tộc, giới thiệu tác phẩm, tác giả,... nên kiến thức tích hợp với Mĩ thuật sẽ tạo thêm hứng thú học lịch sử cho HS. Tiếp theo trang 3 là nội dung của các chương:

Chương 1: hướng HS tới làm quen với cách nhìn đúng và xây dựng cảm xúc về bộ môn Lịch sử.

Chương 2: gồm ba bài với mạch nội dung được viết xen giữa thế giới, khu vực và Việt Nam.

Chương 3: được chia thành sáu bài sắp xếp theo khu vực từ phương Đông sang phương Tây.

Chương 4: là nội dung mới hoàn toàn của phần Lịch sử 6 so với SGK Lịch sử 6 hiện hành, gồm hai bài, giới thiệu về lịch sử Đông Nam Á từ những thế kỉ tiếp giáp Công nguyên đến thế kỉ X.

Chương 5: Lịch sử Việt Nam gồm cả nội dung về Chăm-pa và Phù Nam.

Mỗi chương đều có *Trang chủ* để cũng là phần mở đầu, giới thiệu nội dung chính trong toàn chương.

Phản thuật ngữ lịch sử: Giúp HS làm quen với các khái niệm lịch sử, ở mức độ đơn giản, có trong nội dung bài học và phục vụ cho những nội dung chính của bài học.

b. Phần Địa lí

Để tổ chức hoạt động dạy học phù hợp với khả năng nhận thức, đặc điểm tâm sinh lí của HS cấp THCS, đồng thời đảm bảo thể hiện đầy đủ những mạch nội dung, yêu cầu cần đạt và phân phối về mặt thời gian của chương trình; nội dung phần Địa lí gồm 7 chương. Mỗi chương được trình bày theo cấu trúc hai phần như sau: giới thiệu chương và các bài học.

Giới thiệu chương nêu bật những nội dung chủ đạo của chương.

Các bài học là phần cụ thể hoá các yêu cầu cần đạt trong mỗi chương. Việc sắp xếp, kết nối, phân tách các yêu cầu cần đạt cho phù hợp với cấu trúc các bài học trong mỗi chương đã được cân nhắc kỹ. Mục đích là làm sao để GV và HS đạt được các yêu cầu một cách dễ dàng nhất. 7 chương trên được biên soạn thành 25 bài học (kể cả Bài mở đầu).

2. Cấu trúc bài học

Với quan điểm biên soạn SGK theo hướng tiếp cận năng lực và tích hợp, cấu trúc trong từng bài học gồm những phần sau:

➤ Mở đầu

– **Yêu cầu cần đạt:** nêu ngắn gọn các yêu cầu cần đạt trong bài nhằm định hướng cho người học.

Ví dụ: Ở phần Lịch sử, bài **Các cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc trước thế kỉ X**

Học xong bài này, các em sẽ:

- Giải thích được nguyên nhân của các cuộc khởi nghĩa.
- Trình bày được những diễn biến chính của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu.
- Nêu được kết quả và ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu.
- Lập được biểu đồ, sơ đồ về các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu.

Kiến thức mà HS cần nắm ở đây là nguyên nhân, diễn biến, kết quả, ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa. Còn kỹ năng là giải thích được, trình bày được, nêu được và lập được sơ đồ.

– **Dẫn nhập:** Nêu tình huống gợi sự tò mò của HS để bắt đầu bài học. Không yêu cầu HS phải biết câu trả lời chính xác.

Ví dụ: Ở phần Địa lí, dẫn nhập của bài **Hệ thống kinh, vĩ tuyến. Toạ độ địa lí**

Ngày xưa, trong những cuộc hành trình, các tàu biển thường xuyên bị mất phương hướng. Ví dụ, một cơn bão có thể đưa tàu đi xa hơn nơi nó muốn đến. Để khắc phục điều này, con người đã nỗ lực tìm kiếm cách xác định chính xác vị trí, cách tìm đường đi đến mọi địa điểm trên bề mặt Trái Đất. Vì thế, một mạng lưới kinh, vĩ tuyến tưởng tượng bao phủ toàn bộ quả Đất đã ra đời giúp họ làm được điều này.

➤ Hình thành kiến thức mới

Giới thiệu chi tiết nội dung kiến thức mới. Cuốn sách cấu trúc theo đề mục số La Mã và số tự nhiên đi kèm với những *tiêu đề*: giúp HS dự đoán được nội dung chính của bài.

– Các *nguồn tư liệu* (tranh ảnh, bản đồ, sơ đồ, biểu đồ, tư liệu viết,...), chất liệu hình thành nên nội dung bài học.

– Hệ thống câu hỏi *phát triển năng lực* trong từng phần của mỗi bài nhằm dẫn dắt HS nắm được nội dung chính của từng phần khi sử dụng sách.

➤ Luyện tập và Vận dụng

Ở cuối mỗi bài học là hệ thống các câu hỏi và bài tập hướng tới rèn luyện kỹ năng và vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết một vấn đề có liên quan đến hiện tại, thực tế. Một số câu hỏi mang tính chất hệ thống lại kiến thức của bài học cũng có trong mục này.

- Phần *Luyện tập* là những câu hỏi, nhiệm vụ học tập nhằm ôn luyện kiến thức, kĩ năng cho HS.
 - Phần *Vận dụng* cuối mỗi bài gồm các câu hỏi vận dụng thể hiện rõ quan điểm và yêu cầu cần đạt về *phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng của HS vào trong cuộc sống*. Ví dụ: Yêu cầu HS phân tích một tình huống, giải quyết một vấn đề trong cuộc sống và đưa ra cách giải quyết phù hợp.
- Ví dụ về vận dụng trong bài **Ai Cập cổ đại** (phần Lịch sử): *Giả sử lớp học của em có chiều cao 3 m, em hãy cùng các bạn trong lớp tìm hiểu xem chiều cao của kim tự tháp Kê-ốp gấp bao nhiêu lần chiều cao của lớp học?*

Bài tập thực hành ở bài Ai Cập cổ đại không chỉ nhằm kiểm tra, rèn luyện kiến thức toán học của HS mà điều quan trọng là khi tìm ra kết quả, HS sẽ càng thấy khâm phục hơn về trình độ xây dựng của người Ai Cập cổ đại trong điều kiện công cụ thô sơ với sức lao động cơ bắp là chủ yếu, vậy mà : “*bất cứ cái gì cũng phải sơ thời gian, nhưng thời gian lại phải sơ kim tự tháp*”.

Ví dụ về vận dụng trong bài: **Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất và hệ quả** (phần Địa lí).

Sáng nay, trước khi đến trường, Hoàng định gọi điện hỏi thăm một người bạn ở nước Anh. Thấy vậy, mẹ của Hoàng đã khuyên bạn ấy hãy gọi vào thời điểm khác phù hợp hơn.

Theo em, tại sao mẹ của Hoàng lại khuyên như vậy? Em hãy tư vấn cho Hoàng thời điểm phù hợp để gọi điện hỏi thăm bạn của mình.

Bài tập vận dụng này giúp các em ứng dụng được kiến thức hệ quả chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất để thấy được sự khác biệt về giờ giấc ở các quốc gia và có những ứng xử cho phù hợp với sự khác biệt đó.

➤ **Kiến thức mở rộng và nâng cao**

Chiếm khoảng từ 10 đến 15% nội dung của bài học tuỳ theo từng bài, nằm ở các mục “Em có biết” và “Nhân vật lịch sử” (phần Lịch sử); mục “Em có biết” (phần Địa lí).

Như vậy, qua một bài học, HS có rất nhiều cơ hội để tiếp xúc với thế giới bên ngoài, kết nối quá khứ với hiện tại khi được đặt trong những tình huống có thật và phải vận dụng kiến thức, kĩ năng để giải quyết các vấn đề. Cách tiếp cận này của sách hoàn toàn phù hợp với quan điểm tiếp cận năng lực đã đặt ra cho việc biên soạn SGK của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

C. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6 – NHỮNG GỢI Ý

I. PHẦN LỊCH SỬ

1. Một số phương pháp tổ chức hoạt động dạy học

Khi dạy học phân môn Lịch sử, cần sử dụng, phối hợp nhiều phương pháp, kĩ thuật và hình thức tổ chức dạy học khác nhau nhằm phát triển năng lực cho HS. Tiêu biểu như phương pháp dạy học quan sát – thảo luận theo nhóm, giải quyết vấn đề, đóng vai, trò chơi, bàn tay nặn bột, dạy học theo góc,... và các kĩ thuật như giao nhiệm vụ, khăn trải bàn, phỏng tranh, các mảnh ghép, động não, hỏi chuyên gia, sơ đồ tư duy,... Các phương pháp, kĩ thuật và hình thức tổ chức dạy học trên được tích

hợp trong các hoạt động học tập gợi ý trong SGK. Tuy nhiên, những hoạt động đó chỉ mang tính tham khảo, GV có quyền tự do sáng tạo cho phù hợp với khả năng, điều kiện của địa phương và nhà trường, phù hợp với khả năng và cách thức dạy học cá nhân cũng như đối tượng HS. Điều cốt yếu là phải đảm bảo cho HS tham gia học tập một cách tích cực nhằm đạt mục tiêu và yêu cầu môn học hiệu quả nhất.

Dưới đây là các phương pháp, kĩ thuật và hình thức tổ chức dạy học phổ biến với phân môn Lịch sử nói chung và phần Lịch sử lớp 6 nói riêng.

a. Phương pháp dạy học theo nhóm

Là phương pháp sử dụng thường xuyên nhất trong tất cả các tiết học. GV chia lớp học thành các nhóm nhỏ, trong khoảng thời gian giới hạn, mỗi nhóm tự lực hoàn thành các nhiệm vụ học tập trên cơ sở phân công và hợp tác làm việc. Kết quả làm việc của nhóm sau đó được trình bày và đánh giá trước toàn lớp.

Dạy học nhóm nếu được tổ chức tốt sẽ phát huy được tính tích cực, tính trách nhiệm; phát triển năng lực cộng tác làm việc và năng lực giao tiếp của HS. Khi tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm, GV nên sử dụng nhiều cách chia nhóm khác nhau để gây hứng thú cho HS, đồng thời tạo cơ hội cho các em được học hỏi, giao lưu với nhiều bạn khác nhau trong lớp. Ví dụ: chia nhóm theo số điểm danh, theo các màu sắc, theo sở thích, theo trình độ, nhóm hỗn hợp,...

Để sử dụng phương pháp này một cách hiệu quả cần lưu ý:

– Có rất nhiều cách lập nhóm, không nên áp dụng một tiêu chí duy nhất trong cả năm học. Số lượng HS trong một nhóm nên từ 4 đến 6 HS.

– Nhiệm vụ của các nhóm có thể giống nhau, hoặc mỗi nhóm nhận một nhiệm vụ khác nhau, là các phần trong một chủ đề chung.

b. Phương pháp giải quyết vấn đề

Là phương pháp dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề, đặt ra cho HS các vấn đề nhận thức có chứa đựng mâu thuẫn giữa cái đã biết và cái chưa biết, đưa HS vào tình huống có vấn đề, kích thích các em tự lực, chủ động và có nhu cầu mong muốn giải quyết vấn đề.

Để sử dụng phương pháp này một cách hiệu quả cần lưu ý:

– Xác định, nhận dạng vấn đề/tình huống, thu thập thông tin có liên quan đến vấn đề/tình huống đặt ra.

– Liệt kê các phương án giải quyết, phân tích, đánh giá kết quả đối với mỗi phương án giải quyết (tích cực, hạn chế, cảm xúc, giá trị).

– So sánh và lựa chọn phương án giải quyết tối ưu nhất.

– Thực hiện theo phương án giải quyết đã lựa chọn và rút kinh nghiệm cho việc giải quyết những vấn đề, tình huống khác.

* **Lưu ý:** các vấn đề/tình huống đưa ra để HS xử lí, giải quyết cần phù hợp với nội dung bài học, với trình độ nhận thức của HS, đặc biệt phải chứa đựng những mâu thuẫn cần giải quyết, gợi ra cho HS nhiều hướng suy nghĩ, nhiều cách giải quyết vấn đề.

c. Phương pháp đóng vai

Là phương pháp tổ chức cho HS thực hành, nhằm giúp HS tìm hiểu sâu hơn về một vấn đề mà các em vừa học hoặc quan sát được. Việc “diễn” không phải là phần chính của phương pháp này mà điều quan trọng là sự thảo luận sau phần diễn ấy.

Có thể tiến hành phương pháp đóng vai theo các bước sau:

- GV nêu vấn đề, chia nhóm và giao tình huống, yêu cầu đóng vai cho từng nhóm. Trong đó quy định rõ thời gian chuẩn bị, thời gian đóng vai của mỗi nhóm.
- Các nhóm thảo luận chuẩn bị đóng vai, xử lí tình huống.

* **Lưu ý:** tình huống đóng vai phải phù hợp với bài học, với lứa tuổi, trình độ HS và điều kiện, hoàn cảnh lớp học. Tình huống không nên quá dài và phức tạp, cần dành thời gian phù hợp cho HS thảo luận xây dựng kịch bản, tìm cách giải quyết tình huống và chuẩn bị đóng vai. Có thể cho HS xung phong hoặc tự phân công đảm nhận, khích lệ những HS nhút nhát cùng tham gia. Khi đóng vai nên có hoá trang và đạo cụ đơn giản, sáng tạo để tăng tính hấp dẫn của tiểu phẩm.

d. Phương pháp dạy học theo góc

Là phương pháp tổ chức hoạt động học tập theo đó HS thực hiện các nhiệm vụ khác nhau tại vị trí cụ thể trong không gian lớp học, đáp ứng nhiều phong cách học khác nhau. HS được lựa chọn cơ hội “Khám phá”, “Thực hành”; cơ hội mở rộng, phát triển, sáng tạo, áp dụng và trải nghiệm. Do vậy, học theo góc kích thích tính tích cực của HS thông qua hoạt động, nâng cao hứng thú và hiệu quả học tập.

Ưu điểm của học theo góc là GV có thể giao nhiều nhiệm vụ với các mức độ và năng lực khác nhau theo từng nội dung học tập; mỗi HS tự hoàn thành nhiệm vụ với sự tương tác của GV và thành viên trong nhóm, có thể áp dụng ở hầu hết các dạng bài học và các bài tập tích hợp kiến thức nhiều môn học. Việc phân chia các góc có thể linh hoạt 2, 3, 4 góc tùy theo điều kiện và nội dung học tập.

d. Phương pháp trò chơi

Là phương pháp tổ chức cho HS tìm hiểu một vấn đề hay thể nghiệm những hành động, những thái độ, những việc làm thông qua một trò chơi nào đó.

Để thực hiện, GV phổ biến tên trò chơi, nội dung và luật chơi cho HS, sau đó tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả.

Trò chơi phải dễ tổ chức, phù hợp với bài học, với đặc điểm và trình độ HS, hoàn cảnh, điều kiện thực tế của lớp học, nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS.

HS phải nắm được quy tắc chơi và phải tôn trọng luật chơi. Sau khi chơi, GV cần cho HS thảo luận để nhận ra ý nghĩa giáo dục của trò chơi.

e. Phương pháp dạy học thực địa (tại bảo tàng hoặc di tích lịch sử)

Là việc tổ chức các hoạt động dạy học trong môi trường thực tế, thông qua các hoạt động tích cực như hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, thu thập thông tin phản hồi,... nhằm đáp ứng sở thích học tập của HS và nâng cao hiệu quả giáo dục. Việc học tập tại thực địa luôn gắn với các sản phẩm thu hoạch. Cụ thể: Trước buổi học, GV yêu cầu HS tự tra cứu trên mạng Internet, tìm hiểu qua sách báo về địa điểm diễn ra buổi học thực địa, về các nội dung kiến thức có liên quan sẽ được tìm hiểu trong buổi học thực địa theo các câu hỏi hoặc tình huống nêu vấn đề; hướng dẫn HS xây dựng biểu thời gian và nội dung tìm hiểu chi tiết.

HS tập trung quan sát, tìm hiểu, ghi chép, chụp ảnh các đối tượng chính có liên quan đến nội dung học tập. Sau buổi học, HS tiếp tục về nhà nghiên cứu, bổ sung các thông tin theo hệ thống các vấn đề, câu hỏi, phiếu học tập.

2. Một số nội dung hỗ trợ GV về phương pháp trong việc sử dụng SGK

Nhằm cung cấp một cách tiếp cận SGK Lịch sử và Địa lí 6 cho các thầy, cô giáo với tư cách là người hướng dẫn HS sử dụng sách trên lớp, gắn với chương trình chung và kế hoạch giảng dạy của từng địa phương và nhà trường, SGV ngoài việc cung cấp thêm những kiến thức mở rộng và chi tiết hơn có liên quan đến nội dung SGK thì mục tiêu chủ yếu là *hỗ trợ GV phương pháp khai thác những nội dung trong SGK được thiết kế theo định hướng phát triển năng lực*.

a. Hỗ trợ GV trong công tác hướng dẫn HS kĩ năng giải mã tư liệu lịch sử, hình thành năng lực nhận biết lịch sử

Từ những kĩ năng đơn giản như giải mã một bức tranh lịch sử, chẳng hạn giải mã hình vẽ Vượn người hay Hình vẽ trên vách hang động Lascaux (bài 4, chương 2), tìm hiểu đời sống của cư dân Văn Lang, Âu Lạc từ những họa tiết khắc trên mặt trống đồng Ngọc Lũ (bài 15, chương 5) đến những kĩ năng phức tạp hơn như đọc và phân tích tư liệu lịch sử từ tư liệu chữ viết để rút ra sự thật lịch sử về chiến thắng Bạch Đằng của Ngô Quyền (bài 19, chương 5),...

b. Hướng dẫn sử dụng kiến thức tích hợp và kiến thức vận dụng

Kiến thức tích hợp liên môn thể hiện trong cả phần nội dung chính, luyện tập và vận dụng. Mỗi bài có ít nhất một câu hỏi vận dụng.

c. Hỗ trợ GV sử dụng hệ thống các câu hỏi phát triển năng lực và đánh giá HS

Trong SGV, để xây dựng hoạt động dạy học, hệ thống câu hỏi này được xếp vào cụ thể trong từng thành phần năng lực lịch sử (tìm hiểu lịch sử, nhận thức và tư duy lịch sử, vận dụng kiến thức và kĩ năng) và khung mức độ năng lực (biết, hiểu, vận dụng). GV có thể dựa vào những gợi ý trong SGV để thiết kế chi tiết tổ chức hoạt động dạy học theo hướng hỗ trợ HS chiếm lĩnh tri thức, phát triển khả năng giải quyết vấn đề.

II. PHẦN ĐỊA LÍ

1. Định hướng chung

Xu hướng chủ đạo về phương pháp dạy học trong cuốn sách này là quy nạp. HS sẽ tham gia các hoạt động học tập, hoàn thành các nhiệm vụ học tập và tự khám phá dưới sự định hướng, hỗ trợ của GV để tự tiếp nhận được kiến thức, kỹ năng cần thiết. Từ việc tự nhận thức đó, HS sẽ tự phát biểu, trình bày, thể hiện các kiến thức, kỹ năng này theo cách hiểu của mình. Nghĩa là, HS sẽ học được kiến thức, kỹ năng thông qua việc thực hiện và hoàn thành các hoạt động học tập.

Sử dụng SGK Lịch sử và Địa lí 6 (phần Địa lí), GV cần chú ý một số đặc điểm sau khi thiết kế và tổ chức HD dạy học:

– SGK có sự cân đối về dung lượng kênh hình và kênh chữ. Việc sử dụng hệ thống kênh hình phong phú đa dạng tạo điều kiện thuận lợi hơn cho GV trong việc thiết kế các HD dạy học như: minh họa nội dung, mô tả quá trình hiện tượng, liên kết các hình để giải thích các mối quan hệ địa lí,... Vì vậy, GV cần hiểu đúng tính chất, nội dung hàm chứa trong kênh hình để có hướng khai thác chính xác và hiệu quả.

– SGK sử dụng các câu hỏi ở mức độ khác nhau đáp ứng các yêu cầu cần đạt trong chương trình. GV cần xác định đúng các mức độ nhận thức khác nhau được quy định trong chương trình (gồm có: biết, hiểu, vận dụng) để thiết kế hoạt động học tập phù hợp và kịp thời hỗ trợ HS khi tổ chức hoạt động học tập trên lớp.

– SGK chú trọng đến khả năng vận dụng của HS sau bài học. Vì vậy, GV cần tăng cường các hoạt động liên hệ thực tiễn, giải quyết những vấn đề trong cuộc sống.

– SGK đã quán triệt quan điểm xây dựng chương trình theo hướng mở. Ngoài việc đảm bảo các yêu cầu tối thiểu quy định trong chương trình, SGK cũng đã đề cập, bổ sung những tình huống, nội dung phù hợp với đặc điểm của một số vùng, miền, tuy nhiên vẫn chưa đủ. Vì vậy, GV hoàn toàn có quyền chủ động điều chỉnh, thay thế những ngữ liệu phù hợp.

– Tập trung chú trọng một số phương pháp dạy học theo hướng:

+ Đảm bảo tính tích cực của người học khi tham gia vào hoạt động học tập

+ Chú trọng rèn luyện cho HS phương pháp tự học. Tạo điều kiện cho HS chủ động thể hiện khả năng tìm tòi, khám phá, phát huy tính tự giác, tự học.

+ Tăng cường cho HS những hoạt động thực hành, trải nghiệm, chú trọng đến mục tiêu HS biết làm gì từ những điều đã học. HS phải được tự tìm tòi, khám phá tri thức dựa vào khả năng của bản thân, sở thích và mối quan tâm riêng. HS phải làm chủ tri thức và vận dụng được vào thực tế.

+ Tăng cường phối hợp học tập cá thể với học tập hợp tác.

+ Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, sử dụng hiệu quả các thiết bị dạy học như bảng số liệu thống kê, bản đồ, sơ đồ, phim video, các phiếu học tập, các phần mềm dạy học.

2. Hướng dẫn và gợi ý một số phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, tổ chức hoạt động

a. Dạy học trực quan

Dạy học trực quan là cách thức mà GV sử dụng những phương tiện trực quan làm công cụ hỗ trợ HS hình thành, phát triển năng lực và phẩm chất.

Phương tiện trực quan là tất cả những phương tiện được sử dụng trong quá trình dạy học giúp chuyển biến nội dung hình thành mục tiêu dạy học.

Phương tiện trực quan sử dụng trong dạy học Địa lí 6 gồm nhiều loại như: bản đồ, sơ đồ, bảng số liệu, biểu đồ, tranh ảnh, mô hình, mẫu vật,... Trong dạy học Địa lí, GV sử dụng các phương tiện trực quan để tổ chức hoạt động học tập nhằm hình thành các biểu tượng cụ thể về sự vật, hiện tượng địa lí, hình thành khái niệm địa lí thông qua sự tri giác trực tiếp bằng các giác quan của người học. Nhờ vậy, HS có thể nhận diện các khái niệm, giải thích các sự vật, hiện tượng địa lí, các mối quan hệ nhân quả địa lí một cách chính xác và đầy đủ.

* **Lưu ý:** GV chú ý sử dụng như một nguồn tri thức cho HS khai thác (có thể kết hợp với các phương pháp như đàm thoại gợi mở hoặc đàm thoại nêu vấn đề); GV nên tận dụng hệ thống kênh hình trong sách, hướng dẫn HS khai thác để hình thành kiến thức mới từ đó phát triển năng lực cho HS; phương pháp này có thể được sử dụng.

b. Dạy học hợp tác

Là hình thức tổ chức dạy học, trong đó HS làm việc theo nhóm để cùng nghiên cứu, trao đổi tư tưởng và giải quyết vấn đề đặt ra.

Một số đặc điểm của dạy học hợp tác: có hoạt động xây dựng nhóm; có sự phụ thuộc tương tác lẫn nhau một cách tích cực; có ràng buộc cá nhân, ràng buộc nhóm; hình thành và phát triển kĩ năng hợp tác.

Dạy học hợp tác thường được sử dụng kết hợp với các phương pháp thảo luận, tranh luận, dạy học giải quyết vấn đề,... trong đó HS cần cộng tác với nhau để giải quyết những nhiệm vụ học tập tổng hợp. Dạy học hợp tác có thể áp dụng để tiến hành tổ chức hoạt động nghiên cứu kiến thức mới trong bài dạy nội khoá địa lí hay trong dạy học ngoại khoá, hoặc tổ chức dạy học dự án.

* **Lưu ý:** GV cần hiểu rõ bản chất của dạy học hợp tác, tránh hình thức, hời hợt. Nhiệm vụ học tập GV đưa ra cho HS phải đủ độ khó để HS suy nghĩ, hợp tác, thảo luận giải quyết nhiệm vụ, nếu nhiệm vụ quá dễ sẽ làm cho hoạt động nhóm nhảm chán và chỉ mang tính hình thức.

c. Dạy học dự án

Dạy học dựa trên dự án là cách thức tổ chức dạy học, trong đó HS thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, có sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, tạo ra các sản phẩm có thể giới thiệu, trình bày.

Ba đặc điểm quan trọng nhất của dạy học dự án cần phải đảm bảo khi thực hiện là: định hướng thực tiễn; định hướng vào người học và định hướng sản phẩm.

Dạy học dự án thường được tiến hành qua 3 giai đoạn: giai đoạn chuẩn bị, giai đoạn thực hiện (đề xuất ý tưởng và chọn đề tài dự án, chia nhóm nhận nhiệm vụ, lập kế hoạch thực hiện); giai đoạn báo cáo dự án.

Dạy học dựa trên dự án vận dụng tổng hợp các phương pháp dạy học để tổ chức, chính vì thế nó có khả năng phát triển toàn diện các phẩm chất và năng lực cho HS, cụ thể: phẩm chất trách nhiệm, trung thực, năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực hợp tác, năng lực tìm hiểu lịch sử và địa lí, năng lực nhận thức và tư duy lịch sử, địa lí, năng lực vận dụng kiến thức và kĩ năng lịch sử, địa lí vào thực tiễn.

Dạy học dựa trên dự án tốn rất nhiều thời gian, vì thế cần cẩn nhắc về số lượng các dự án học tập trong một năm học, kết hợp linh hoạt thời gian trên lớp và thời gian ngoài lớp, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin và truyền thông trong tổ chức cho HS thực hiện,... là những giải pháp hữu hiệu để khắc phục hạn chế này.

Dạy học dựa trên dự án đòi hỏi nhiều sự đầu tư về cơ sở vật chất, tuy nhiên ở những điều kiện dạy học tối thiểu vẫn hoàn toàn có thể áp dụng phương pháp này bằng việc lựa chọn hình thức HS thể hiện sản phẩm phù hợp với điều kiện kinh tế của nhà trường, lựa chọn những nội dung gắn với thực tế địa phương,...

III. TÍCH HỢP PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT TỔ CHỨC DẠY HỌC

Khi tổ chức các phương pháp dạy học, cần tích hợp với các kĩ thuật dạy học để đạt hiệu quả tốt, tiêu biểu như:

– Kĩ thuật giao nhiệm vụ: nhiệm vụ phải phù hợp với mục tiêu hoạt động, trình độ HS, thời gian, không gian hoạt động và cơ sở vật chất, trang thiết bị.

– Kĩ thuật khăn trải bàn: thường sử dụng trong hoạt động nhóm từ 4 đến 6 HS. Mỗi nhóm sẽ có một tờ giấy đặt trên bàn, như là một chiếc khăn trải bàn, chia giấy thành phần chính giữa và phần xung quanh thành 4 hoặc 6 phần tùy theo số thành viên của nhóm. Mỗi thành viên sẽ suy nghĩ và viết các ý tưởng của mình (về một vấn đề nào đó mà GV yêu cầu) vào phần cạnh “khăn trải bàn” trước mặt mình. Sau đó thảo luận nhóm, tìm ra những ý tưởng chung và viết vào phần chính giữa “khăn trải bàn”.

– Kĩ thuật phỏng tranh: có thể sử dụng cho hoạt động cá nhân hoặc nhóm, phù hợp với phương pháp giải quyết vấn đề. Khi GV nêu vấn đề cho cả lớp hoặc cho các nhóm, mỗi thành viên hoặc các nhóm phác họa những ý tưởng về cách giải quyết vấn đề trên một tờ bìa và dán lên tường xung quanh lớp học như một triển lãm tranh. HS cả lớp đi xem “triển lãm” và có thể nêu ý kiến bình luận hoặc bổ sung nhằm tìm ra phương án tối ưu.

– Kĩ thuật các mảnh ghép: HS được phân thành các “nhóm chuyên gia” để thảo luận, tìm hiểu sâu về một vấn đề của bài học. Sau đó, mỗi thành viên của các “nhóm chuyên gia” sẽ tách ra hợp thành các nhóm mới, trong mỗi nhóm mới sẽ có đủ các “chuyên gia” về các vấn đề và mỗi “chuyên gia” có trách nhiệm trao đổi lại với cả nhóm về vấn đề mà mình đã có cơ hội tìm hiểu sâu ở nhóm cũ.

– Kĩ thuật động não: giúp cho HS trong một thời gian ngắn nảy sinh được nhiều ý tưởng mới mẻ, độc đáo về một chủ đề nào đó. Các thành viên được cổ vũ tham gia một cách tích cực, không hạn chế các ý tưởng (nhằm tạo ra cơn lốc các ý tưởng). Động não thường được sử dụng trong giai đoạn giới thiệu bài học, tìm các phương án giải quyết vấn đề. GV nêu vấn đề, khích lệ HS phát biểu và đóng góp ý kiến, liệt kê tất cả ý kiến lên bảng, phân loại và tổng hợp ý kiến của HS để rút ra kết luận.

– Kĩ thuật sơ đồ tư duy: là một sơ đồ nhằm trình bày những ý tưởng hay kết quả làm việc của cá nhân/nhóm về một vấn đề. Viết tên vấn đề ở trung tâm, vẽ các nhánh nội dung lớn của chủ đề hoặc các ý tưởng có liên quan xoay quanh ý tưởng trung tâm nói trên. Từ mỗi nhánh chính vẽ tiếp các nhánh phụ để viết tiếp những nội dung thuộc nhánh chính đó.

– Kĩ thuật Kipling (5W1H – what, where, when, who, why, how): các câu hỏi được đưa ra theo thứ tự ngẫu nhiên hoặc theo một trật tự định ngầm từ trước, với các từ khoá: Cái gì, Ở đâu, Khi nào, Thế nào, Tại sao, Ai? Các câu hỏi cần ngắn gọn, đi thẳng vào vấn đề, bám sát vào hệ thống từ khoá.

– Kĩ thuật KWLH: là một hình thức tổ chức dạy học hoạt động đọc hiểu. HS bắt đầu bằng việc động não tất cả những gì các em đã biết về chủ đề bài đọc. Thông tin này sẽ được ghi nhận vào cột K của biểu đồ. Sau đó, HS nêu lên danh sách các câu hỏi về những điều các em muốn biết thêm trong chủ đề. Những câu hỏi đó sẽ được ghi nhận vào cột W của biểu đồ. Trong quá trình đọc, các em sẽ tự trả lời câu hỏi vào cột L. Cột H ở sau cùng, HS muốn tìm hiểu thêm về một thông tin, các em sẽ nêu biện pháp để tìm thông tin mở rộng. Kĩ thuật này đặc biệt có hiệu quả với các bài đọc mang ý nghĩa gợi mở, tìm hiểu, giải thích.

Chân trời sáng tạo